TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày: 19-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Thượng Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Thanh P, sinh năm 2003 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: tổ A, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P1 và bà Phạm Thị L; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 15 tháng 9 năm 2024, đến ngày 18 tháng 9 năm 2024 tạm giam, có mặt.

Bị hại: Ông Trần Văn P1, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, ông P1 vắng mặt, bà L có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952; nơi cư trú: tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Chí T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2006; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 22 giờ ngày 18 tháng 4 năm 2024, Trần Thanh P ngồi chơi tại phòng trọ của anh Nguyễn Chí T ở phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương. P rủ anh T lấy trộm xe ô tô của gia đình P bán lấy tiền tiêu xài, anh T không đồng ý. Đến khoảng 02 giờ ngày 19 tháng 4 năm 2024, P nhờ anh T chở P về nhà tại tổ A, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, sau đó anh T đi về nhà, còn P vào bên trong nhà thấy cha mẹ mình là ông Trần Văn P1 và bà Phạm Thị L đang ngủ. P đi đến khu vực để tủ lạnh lục tìm chìa khóa xe ô tô nhưng không thấy. P tiếp tục đến chỗ ông P1 đang nằm ngủ lục tìm thấy chìa khóa xe ô tô trong túi quần ông P1, P lấy con dao lam rạch túi quần của ông P1 lấy chìa khóa xe ô tô. Sau khi lấy được chìa khóa, P ra sân lấy sợi dây cột trái cửa nhà lại rồi lấy xe ô tô hiệu Daewoo, loại Lacetti CDX, biển số 61A-138.02 đang để ngoài sân chạy về trước phòng trọ của anh T và nằm ngủ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, P lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm người có nhu cầu mua xe ô tô cũ, sau đó P bán xe ô tô biển số 61A-138.02 cho người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) tại khu vực phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương được số tiền 5.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Cùng ngày, ông P1 và bà L phát hiện bị mất trộm xe ô tô biển số 61A-138.02 nên trình báo đến Công an xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 24 tháng 4 năm 2024, Công an xã L chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để thụ lý điều tra theo thẩm quyền. Đến ngày 15 tháng 9 năm 2024, P đến Công an xã L đầu thú.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố; bị hại bà L không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Bị hại ông P1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận (bút lục số 35): 01 xe mô tô nhãn hiệu: Daewoo, số loại: Lacetti CDX, số khung: RLLANF43D4H005398, số máy: T18SED082896, biển số: 61A-138.02, màu: Ghi, mua lại sử dụng từ tháng 01/2020 có giá 70.000.000 đồng.

Đối với anh T, anh T khai: ngày 18 tháng 4 năm 2024, khi được P rủ đi lấy trộm xe ô tô bán lấy tiền, anh T biết vi phạm pháp luật nên không đồng ý. Anh T chỉ chở P về nhà P vì P nhờ, anh T không tham gia và không biết P lấy trộm xe ô tô của gia đình. Sau khi P bán xe ô tô của gia đình thì có kể cho T biết, nhưng P

chỉ nói mượn xe ô tô của cha bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, hành vi của anh T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với xe ô tô biển số 61A-138.02, xe có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tên chủ xe là bà Nguyễn Thị B (bút lục số 06). Bà B đã bán xe ô tô này cho bà L và ông P1, là tài sản chung của bà L và ông P1 (bút lục 86, 96 và 127). Xe ô tô này P đã bán cho người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) nên không thu hồi được.

Về dân sự, bà L và ông P1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng có được từ việc bán xe ô tô biển số 61A-138.02 mà có.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo và bị hại bà L không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên. Bị hại ông P1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSBB ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Trần Thanh P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Bị hại ông P1 và bà L không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo có được từ việc bán xe ô tô biển số 61A-138.02 mà có nên không xem xét.

- Bị cáo không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

- Bị hại bà L trình bày: bà và ông P1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng, ông bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi trái pháp luật của mình; mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về phụng dưỡng cha mẹ và nuôi em nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Bị hại ông P1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà B và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[1.3] Riêng D bản và Chỉ bản của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện B thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của D bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ C quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận: khoảng hơn 02 giờ ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại tổ A, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe ô tô hiệu Daewoo, biển số 61A-138.02 trị giá 70.000.000 đồng của bị hại ông P1 và bà L.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại trị giá 70.000.000 đồng, Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo là lớn, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết.

[4] Bị cáo là thanh niên còn trẻ, khỏe nhưng lại lười lao động, để có tiền chơi game và tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng trời tối khi bị hại ông P1 và bà L đang ngủ để lén lút lục tìm chìa khóa xe ô tô trong túi quần ông P1, dùng dao lam rạch túi quần ông P1 lấy chìa khóa xe ô tô, bị cáo ra sân lấy sợi dây cột trái cửa nhà lại rồi chiếm đoạt xe ô tô biển số 61A-138.02 để ngoài sân của ông P1 và bà L. Hành vi phạm tội của bị cáo là liều lĩnh, bất chấp bị phát hiện; điều đáng nói bị cáo chiếm đoạt tài sản của chính cha mẹ bị cáo. Xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án:

Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo bán xe ô tô biển số 61A-138.02 mà có, bị hại không yêu cầu bị cáo trả lại. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của bị hại nên không xem xét giải quyết đối với các số tiền này.

[8] Hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2024.

[2] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo: bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến